

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Duyên phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2025
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Tô Ngọc Liêm;
 2. Bà Nguyễn Thị Ly.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 403/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 393/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐ-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Bích D, sinh năm 1985 (CCCD 089185004008 cấp ngày 19/9/2024); địa chỉ thường trú: Tổ I, ấp T, xã C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: nhà trọ Tính N, ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Bích D trình bày:

Bà D và ông S do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là xã C). Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được ba con chung tên

Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2003; Nguyễn Văn G, sinh ngày 09/9/2007 và Nguyễn Thanh D1, sinh ngày 18/11/2016. Hiện tại, cháu T đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, cháu G và cháu D1 đang sống cùng với vợ, chồng.

Vợ chồng chung sống D phúc đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông S không chăm sóc, quan tâm đến vợ con, ghen tuông hay chửi bà D và có lời sự đe dọa. Cả hai không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ tháng 02/2024 đến nay.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà D yêu cầu ly hôn với ông S; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với con chung Nguyễn Thị Bích T do đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn G và Nguyễn Thanh D1, ông S không cấp dưỡng nuôi dạy hai con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Lâm Thị Bích D có đơn xin xét xử vắng mặt và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông S.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị Bích D đối với ông Nguyễn Thanh S; bà D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn G và Nguyễn Thanh D1, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Lâm Thị Bích D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh S, ông S cư trú trên địa bàn xã C, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn

nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lâm Thị Bích D, ông Nguyễn Thanh S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bà D có đơn xin vắng mặt, ông S vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định khoản 1 Điều 228, xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Lâm Thị Bích D khai, bà D và ông S do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã C) nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông S là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà D xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng không quan tâm đến vợ con, hay ghen tuông và chửi mắng bà D, có lời đe dọa và cả hai không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ tháng 02/2024 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà D và ông S bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ tháng 02/2024 đến nay. Mặt khác, ông S cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu ly hôn của bà D. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà D và ông S là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà D xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 03 con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2003; Nguyễn Văn G, sinh ngày 09/9/2007 và Nguyễn Thanh D1, sinh ngày 18/11/2016. Hiện tại, cháu T đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Văn G và Nguyễn Thanh D1.

Xét thấy, cháu T đã thành niên và bà D cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết. Cháu G đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống cùng với bà D khi cha, mẹ ly hôn; cháu D1 và cháu G chung sống gắn bó với nhau từ nhỏ và phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác, nhằm để các cháu sống ổn định và gắn bó hơn nên Hội đồng xét xử giao cháu G và cháu D1 cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà D không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Bích D.

- Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Bích D được ly hôn với ông Nguyễn Văn S1.

- Về con chung: Bà Lâm Thị Bích D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với con chung Phan Thị Ngọc T1, sinh ngày 08/7/2006 do đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; bà Lâm Thị Bích D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Văn G, sinh ngày 09/9/2007 và Nguyễn Thanh D1, sinh ngày 18/11/2016, Ông Nguyễn Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi dạy các con chung.

Bà Lâm Thị Bích D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thanh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lâm Thị Bích D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024539 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11) cấp ngày 05 tháng 5 năm 2025. Bà Lâm Thị Bích D đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Thanh S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Bà Lâm Thị Bích D, ông Nguyễn Thanh S có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Phòng THADS khu vực 11 (1);
- Các đương sự;
- UBND xã Cù Lao Giêng (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm